

Bản án số: 114/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/2023
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLST - HNGĐ ngày 17/5/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐST - HNGĐ ngày 22/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2023/QĐST - HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1994 (vắng mặt – có đơn)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Cao Tấn Bé N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Ngô Thị L trình bày:

Chị và anh Cao Tấn Bé N kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 22/02/2019.

Sau khi kết hôn, hai bên sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến cự cãi, trong

cuộc sống hai bên không tìm được tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng từ đó ngày càng rạn nứt.

Từ tháng 4/2020 hai bên đã chính thức sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên đã không còn L lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không còn quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Cao Tấn Bé N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Cao Tấn Bé N vắng tại tất cả các lần hòa giải cũng như xét xử nên không có lời trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Ngô Thị L có đơn và yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Cao Tấn Bé N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Bé N.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh B Năm cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 22/12/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của chị L và anh B Năm là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc do hai bên tính tình bất hòa, bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tạo mọi điều kiện để

vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh Bé N vắng mặt tại các lần hòa giải cũng như xét xử không có lý do. Điều đó thể hiện anh Bé N đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh Bé N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị L yêu cầu ly hôn với anh Bé N là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị L trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) Chị Ngô Thị L phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị L. Chị Ngô Thị L được ly hôn với Anh Cao Tấn Bé N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 22/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) Chị Ngô Thị L phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004249 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L đã nộp xong.

Chị Ngô Thị L, anh Cao Tấn Bé N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu